TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 93/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-07-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Ông Lý Đình Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2025/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc "*ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2025/QĐXX-ST ngày 30/05/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 112/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30/06/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Bích H, sinh ngày 24/9/1994 (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024194005xxx

Nơi cư trú: thôn Q, xã B, tỉnh B. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

Chị H ủy quyền giao nhận tài liệu cho chị Phạm Thị N, sinh năm 1999; Nơi cư trú: thôn H, xã C, tỉnh B.

2. Bị đơn: Anh Lê Văn P, sinh ngày 05/12/1994 (tức Lê Văn P, sinh ngày 05/04/1993) (vắng mặt)

Căn cước công dân: 024094006xxx

Nơi cư trú và địa chỉ cư trú cuối cùng tại Việt Nam: thôn Q, xã B, tỉnh B. Hiện đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

***3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:** Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Đều cư trú: Nơi cư trú: thôn Q, xã B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn chị Đoàn Thị Bích H trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh P được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân. Khi cưới được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 14/06/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh B (nay là xã B, tỉnh B). Mới đầu cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, vợ chồng bảo ban nhau làm ăn. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, sinh hoạt, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra tranh cãi một cách nghiêm trọng. Do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên năm 2023 anh P đi lao động tại Đ, chị đi lao động tại P. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Văn P.

Về con chung: Chị, anh P có 02 con chung là cháu Lê Thị M, sinh ngày 15/08/2013 và cháu Lê Đoàn Tâm N, sinh ngày 06/03/2018. Hiện nay các con chung đang sinh sống cùng anh P và bà nội (bà K). Sau ly hôn chị đề nghị giao các con chung cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng nhưng tạm giao cho bà K nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/ 01 tháng/ 01 cháu.

Về tài sản, công nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 25/04/2025 và 15/05/2025, bà Nguyễn Thị K là mẹ anh Lê Văn P cho biết.

Về hôn nhân của anh P, chị H bà cho biết: Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh B(nay là xã B, tỉnh B). Sau khi kết hôn chị H về gia đình bà làm dâu và chung sống hòa thuận. Tuy nhiên chung sống cùng một thời gian thì anh, chị phát sinh mâu thuẫn. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên anh, chị đều đi nước ngoài lao động. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo nhưng không được. Anh, chị có 02 con chung là cháu Lê Thị M, sinh ngày 15/8/2013 và cháu Lê Đoàn Tâm N, sinh ngày 06/3/2018. Hai cháu hiện đang sinh sống cùng anh P và bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị K trình bày: bà đồng ý nuôi dưỡng, chăm sóc cháu M, Tâm cho anh P cho đến khi anh P về nước sinh

sống. Bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, N trong thời gian vừa qua là quyền cũng như nghĩa vụ của ông, bà đối với con cháu nên không yêu cầu anh P, chị H phải trích trả công sức nuôi dưỡng cháu M, N từ trước cho đến nay và trong thời gian tới. Bà đồng ý việc chị H đề nghị cấp dưỡng nuôi các con chung với mức 2.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu.

Cháu Lê Thị M, Lê Đoàn Tâm N trình bày: Từ khi sinh ra cho đến nay các cháu sinh sống cùng bố mẹ và bà nội tại thôn Q, xã B, tỉnh B. Quá trình chung sống các cháu được bố mẹ chăm sóc chu đáo, cẩn thận, được đưa đi học đầy đủ, được nấu cơm cho ăn, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Bố, mẹ các cháu hiện vẫn sinh sống và làm việc tại nước ngoài nên nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn sinh sống cùng bố và bà nội.

Tại phiên tòa, chị H, bà K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị H; Biên bản lấy lời khai bà K, cháu M, cháu N và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, 104, 107, 110, 116, 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Bích H; xử:

Về hôn nhân: chị Đoàn Thị Bích H được ly hôn anh Lê Văn P.

Về con chung: Giao cháu Lê Thị M, Lê Đoàn Tâm N cho anh Lê Văn P trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự

thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu M, Như cho bà K nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh P với mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu. Kể từ tháng 08/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật.

Về tài sản, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Đoàn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: Chị H khởi kiện xin ly hôn anh P và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo công văn số 1637/QLXNC ngày 11/06/2025 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh – Công an tỉnh Bắc Giang (nay là Bắc Ninh) xác định anh P, chị H đã xuất cảnh, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Ngoài ra, anh P, chị H đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Ninh. Do đây là vụ án đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt đương sự:

[3.1] Về sự vắng mặt của nguyên đơn: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[3.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Căn cứ lời khai của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị K, Tòa án xác định được nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của anh P ở Việt Nam là: thôn Q, xã B, tỉnh B. Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh P thông qua gia đình và đề nghị gia đình thông báo cho anh P biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa chị Đoàn Thị Bích H và anh Lê Văn P. Gia đình anh P cho biết anh P vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh P không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh P tại nước ngoài. Nhận thấy, đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn

bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Bích H và anh Lê Văn P kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 14/06/2013 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh B(nay là xã B, tỉnh B). Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Lê Văn P.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị H, anh P chung sống hòa thuận. Nhưng sau một thời gian chung sống anh P, chị H phát sinh nhiều mâu thuẫn. Năm 2023 anh P, chị H cùng đi lao động tại nước ngoài, kể từ đó anh P, chị H sống ly thân, ai có cuộc sống riêng của người đó. Do đó, Hội đồng xét xử xác định anh P, chị H không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh P là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[5]. Về nuôi con chung: Chị H, anh P có 02 con chung là cháu Lê Thị M, sinh ngày 15/08/2013 và cháu Lê Đoàn Tâm N, sinh ngày 06/03/2018. Hiên nay cháu M, Như đang sinh sống cùng anh P, bà K. Sau ly hôn chị H đề nghị giao cháu M, Như cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng. Nhưng tạm giao cho bà K nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước sinh sống. Bà K đồng ý nuôi dưỡng cháu M, Như cho anh P cho đến khi anh P cho đến khi anh P về nước sinh sống.

Xét yêu cầu giao cháu M, Như cho anh P là người trực tiếp nuôi dưỡng của chị H, Hội đồng xét xử thấy: chị H, anh P hiện nay đều đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, bà K là mẹ đẻ anh P đồng ý nuôi dưỡng cháu M, N cho đến khi anh P về nước sinh sống. Cháu M, Như trên 07 tuổi đều có nguyện vọng ở với anh P, bà K. Ngoài ra, cháu M, N từ khi sinh ra cho đến nay vẫn sinh sống cùng anh P, bà K, các cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy giao cháu M, Như cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và tạm giao cho bà K nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước sinh sống sẽ đảm bảo sự phát triển của trẻ nhỏ, phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Đoàn Thị Bích H có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Trường hợp chị Đoàn Thị Bích H có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu M, Như cùng anh P với mức cấp dưỡng 2.500.000đồng/01 tháng/ 01 cháu. Bà K đồng ý mức cấp dưỡng này.

Xét đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung của chị H, Hội đồng xét xử thấy: Căn cứ đề nghị của chị H, của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/06/2024 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung của chị H. Buộc chị H phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng anh P với mức cấp dưỡng là 2.500.000 đồng/01 tháng/01 cháu. Phương thức cấp dưỡng theo tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ khi xét xử sơ thẩm là tháng 08/2025 đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[7]. Về lãi suất chậm thi hành án: Do các bên vắng mặt nên không thỏa thuận được, nên thực hiện theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[8]. Về tài sản, công nợ chung: Do chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị Đoàn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh).

Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đoàn Thị Bích H phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án.

[10]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, chị H, anh P đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự bà K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 1, 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị Bích H.

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Bích H được ly hôn anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Thị M, sinh ngày 15/08/2013 và cháu Lê Đoàn Tâm N, sinh ngày 06/03/2018 cho anh Lê Văn P là người trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu M, N cho bà Nguyễn Thị K nuôi dưỡng cho đến khi anh P về nước sinh sống.

Sau khi ly hôn, chị Đoàn Thị Bích H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc chị Đoàn Thị Bích H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu M, Như cùng anh Lê Văn P với mức 2.500.000đồng/01 tháng/ 01 cháu. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí: Chị Đoàn Thị Bích H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005710 ngày 29/04/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh). Xác nhận chị Đoàn Thị Bích H đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

Chị Đoàn Thị Bích H phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

5. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Đoàn Thị Bích H, anh Lê Văn P có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Bảo Đài, tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông